



HOÀI NIỆM
XUÂN VŨ

MINH VÕ

hoài niệm **Xuân Vũ**

MINH VÕ



Paris * 02.2025

hoài niệm Xuân Vũ

Minh Võ

Bìa: *M. C. P*

Nguồn: *thaithuyvy.wordpress*

hoài niệm
Xuân Vũ

MINH VÕ

NHÂN GIỖ ĐẦU CỦA XUÂN VŨ

Minh Võ

Xuân Vũ mất đúng ngày đầu năm 2004. Chỉ ít ngày trước đi anh hãy còn viết. Tác phẩm cuối cùng của anh Tôm Hùm Huýt Sáo tôi phải để tựa theo ý anh, mặc dù ban đầu tôi đã từ chối vì mình không phải là nhà văn, và mặc dù nhà xuất bản nhiều lần đề xuất những tên tuổi khác. Chúng tôi cũng chưa bao giờ gặp nhau. Nhưng sau khi

có một “chính khách tên tuổi” (chữ của anh trong thư) tặng anh cuốn Phản Tỉnh Phản Kháng Thực Hay Hư của Minh Võ, anh thường liên lạc với tôi. Trong thư anh thường gọi tôi là “Tri âm” (ngụ ý hiểu nhau và cùng hiểu rõ về âm mưu của CS). Anh tâm sự “Sắc đẹp, uy quyền đều hủy diệt. Thế gian còn lại CHỮ mà thôi”. Phải viết Minh Võ ạ. Viết để nói lên sự thật, để dân ta biết tội ác và những cái xấu xa dị dạng của CS.”

Anh rất ghét Hồ Chí Minh và đã nhiều lần bêu riếu ông ta trong những tiểu thuyết của anh.

Nhân cuốn AI GIẾT HỒ CHÍ MINH ra mắt độc giả năm 2002, anh đã gửi đăng trên Văn Nghệ Tiền Phong của cố ký giả Hồ Anh Nguyễn Thanh Hồng (*) một chuyện ngắn nhan đề Thăng Tý Lừa Cả Làng mục đích vạch mặt Hồ Chí Minh

là tên đại bịp đã đánh lừa cả nước. Tôi bảo anh, HCM không chỉ lừa cả nước mà lừa cả thiên hạ đấy. Tôi hứa với anh sẽ viết một cuốn để vạch ra cho thiên hạ biết HCM đã lừa như thế nào. Khi biết Tủ Sách Tiếng Quê Hương sắp cho ra cuốn HCM Nhận Định Tổng Hợp, anh luôn gọi hỏi: Sao lâu thế? Bao giờ được đọc đây? Thế rồi khi cuốn sách tới tay anh, thì anh đã vào nhà thương. Chị Triết, bạn đời của nhà văn, cho tôi biết sau khi anh đã lìa đời: “Dầu sao anh ấy cũng đã được cầm cuốn sách trong tay nâng niu nó, nhưng có đọc được hàng nào chưa thì không rõ”. Sự chậm trễ này là do lỗi của nhà thơ Tâm Vô Lệ, giám đốc Thư Viện Việt Nam Online cũng là người in những tác phẩm cuối cùng của Xuân Vũ. Anh muốn được đích thân gửi cho nhà văn cuốn sách mà ông trông chờ và ưa thích. Nhưng không hiểu sao, sách

đi quá chậm. Các nhà văn Duy Lam, Nguyễn Đình Toàn, nhà thơ Thái Thụy Vy cũng bị Tâm Vô Lệ bắt chờ cả tuần lễ vì sự chậm trễ này.

Ngay sau khi được tin Xuân Vũ mất sau một ca giải phẫu bất tồn, tôi đã viết một bài đăng trên Thư Viện Việt Nam Online và mấy tờ báo địa phương để nhắc lại những công trình và tâm huyết của một nhà văn chống Cộng đa tài mà hầu như chuyện nào cũng đầy chất trào lộng chua chát.

Hôm nay nhân dịp Giỗ Đầu của Xuân Vũ, tôi xin giới thiệu một phần chương sách tôi đã viết cách nay 5 năm. Trong chương này tôi đã tóm tắt, phân tích, trích dẫn 7 trong số 72 tác phẩm của Xuân Vũ (chỉ tính số chính thức do tác giả lập danh sách gửi cho tôi ít tháng trước khi anh mất) gồm có: Đường Đi

Không Đến, Xương Trắng Trường Sơn, Mạng Người Lá Rụng, Đến Mà Không Đến, Thiên Đàng Treo, Tự Vị Thế Kỷ, và Đỏ Và Vàng (một cuốn tiểu thuyết châm biếm sâu sắc vô cùng hấp dẫn). Vì khuôn khổ bài báo có hạn, nên phần trích dẫn dưới đây chỉ nói riêng về cuốn đầu tiên, đã từng được giải thưởng văn học của VNCH trước 1975.

Chú thích:

Hồ Anh (1920 – 2004) là nhà báo có cảm tình nhất đối với Xuân Vũ. Cách nay 3 năm, Hồ Anh đã có dự tính mời Xuân Vũ nhận đảm đương tờ Văn Nghệ Tiền Phong khi anh muốn sang nhượng lại cho người khác, để nghỉ dưỡng bệnh. Nhưng Xuân Vũ khiêm tốn khước từ lấy lý do mình chỉ muốn viết văn. Cũng chính Hồ Anh cho tôi biết Xuân Vũ đáng lẽ ra chưa chết. Nhưng vì gia đình nóng

lòng muốn anh được giải phẫu nên phẫu thuật trong trường hợp rủi ro này đã khiến anh sớm lìa bỏ cõi đời trong lúc bao công trình trước tác còn dang dở. Không dè rằng cũng chỉ gần một năm sau Hồ Anh cũng đã ra người thiên cổ. Viết mấy hàng này người viết xin nhân một cơ hội tình cờ đồng thành kính thắp nén hương lòng tưởng niệm hai chiến sĩ chống Cộng trên hai lãnh vực khác nhau nhưng cùng một lòng hăng say quyết liệt hiếm có. Tuy kém Hồ Anh 10 tuổi, nhưng ngay năm 1952, khi Hồ Anh bước chân vào nghề báo ở Hà Nội, thì Xuân Vũ cũng bắt đầu gửi thơ từ miền Nam ra đăng báo đảng CS ở miền Bắc.

Xuân Vũ với 34 (*) tác phẩm chống Cộng.

Năm 1998 tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ cho ra cuốn ký sự “Những

Bạc Thầy Của Tôi” của Xuân Vũ. Trong bức thư riêng gửi nhà xuất bản, tác giả viết: “Cuốn sách này coi như là “trạm nghỉ chân” cuối cùng, nghỉ xong rồi ngủ luôn không đi đâu nữa hết...” Không biết một người viết “như thác đổ” có chịu ngừng thật chưa. Nhưng dựa vào câu nói của tác giả ta có thể tạm tổng kết số lượng sách ông viết từ 1972 đến nay, nghĩa là trong vòng 27 năm, không kể những cuốn ông viết khi còn ở bên kia chiến tuyến.

Ông là nhà văn chuyên nghiệp, đa năng. Sách ông viết thuộc nhiều loại – không kể trường ca “Trở Về Sông Núi” và một số bài thơ khác, trong đó có bài “Về Về Hòn Đất” 395 câu – nhiều nhất là truyện ngắn, 13 tập gồm tổng cộng hơn hai trăm truyện. Hồi ký có 11 cuốn, trong đó có bộ “2000 Ngày Trấn Giữ Củ Chi”,

viết chung với Dương Đình Lô, gồm 7 tập trên hai nghìn trang. Tiểu thuyết: 11 cuốn. Còn lại là truyện ký, ký sự, khảo luận, kịch. Tổng cộng 57 cuốn. (Theo bản liệt kê có thủ bút của XV gửi cho MV tháng 7-00, thì con số 57 đã tăng lên 61, và XV viết rằng vẫn chưa “dùng chân” được.) Trong số đó có tới (ít nhất là) 34 cuốn trực tiếp đánh vào thành trì xhcn mà ông thường gọi tắt là “xã nghĩa”.

Ít nhất đã có 8 nhà xuất bản thay nhau in tác phẩm của ông: Đất Mới, Nam Cường, Xuân Thu, Người Việt, Đại Nam, Trời Nam, Thuvienvietnam.com Ấn Quán và Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông.

Trong số những tác phẩm của ông có cuốn hồi ký “Đường Đi Không Đến” được giải thưởng Văn Học của tổng thống VNCH. Cuốn này đã tái bản tới 8 lần và in “chui” nhiều lần ở trong nước.

Một độc giả ở Bỉ (Belgique), cô Hương kể lại rằng cả công an cũng thích đọc hồi ký và tiểu thuyết của Xuân Vũ: Nhà XB Xuân Thu đã trích đăng những bức thư của 13 nhân vật ca ngợi sách của Xuân Vũ trong số đó có Phạm Duy, Võ Phiến, Hà Huyền Chi, Lê Xuân Nhị, Hải Bằng, Lê Nhật Thăng, Vũ Uyên Giang, nhà cách mạng lão ký giả Trần Văn Ân ... Cô Hương ở Bỉ kể:

“...Lúc sắp lui ghe vượt biên, tôi bị công an xét. Chúng thấy cuốn “Đường Đi Không Đến” giắt trong mui ghe. Tên công an bảo là sách cấm. Tôi sợ quá, định “đắm mồm” hăn, nhưng hăn lại hỏi mua quyển sách. Tôi tưởng hăn nói chơi ai dè thiệt. Tôi không dám lấy tiền. Hăn bèn cho tôi mấy lít gạo tịch thu của ai... Qua đây tôi mua lại “Đường Đi Không Đến” mua luôn “Xương Trắng Trường Sơn” và

“Mạng Người Lá Rụng”, định mua luôn “Đồng Bằng Gai Góc” cho đủ bộ mà chưa kiếm được.”

Tờ Thế Giới Magazine số 126 ở Houston viết: “Các chuyện có số lượng bán chạy nhất ở Saigon hiện giờ là tiểu thuyết và hồi ký “Xương Trắng Trường Sơn” của Xuân Vũ. Cán bộ đua nhau tìm đọc... Các sách truyện hàng đầu được công an lùng sục là các truyện của Xuân Vũ, tập thơ Tiếng Vọng Từ Đáy Vực (1) của Nguyễn Chí Thiện, tập Huyết Hoa của Lý Đông A.”

Chính soạn giả được biết một độc giả ở Nouvelle Calédonie, khi hỏi mua cuốn “Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê”, cũng đã nhờ Thông Vũ mua giúp ông cuốn “Đến Mà Không Đến” của Xuân Vũ. Một tháng sau cũng độc giả đó lại nhờ mua giúp cuốn “Mạng Người

Lá Rụng”, vì thấy trong cuốn Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê có trích dẫn tác phẩm này của Xuân Vũ.

Sở dĩ người ta thích đọc Xuân Vũ vì ông có lối viết hết sức lôi cuốn, kết cấu rất đặc biệt. Nhà thơ Xuân Tước đã viết về Xuân Vũ như sau: “Tôi đã đọc rất nhiều truyện ngắn cũng như truyện dài của Xuân Vũ, thấy rằng anh đã có một lối kết cấu rất đặc biệt... phải đọc hết, đọc cho đến chương cuối hay đoạn chót của truyện, thì mới thấy nổi bật cái kết cuộc khéo léo và bất ngờ”.

“Với tôi, chưa có nhà văn nào hiểu biết thấu đáo về cảnh quê và dân quê miền Nam hơn Xuân Vũ. Anh đã đi khắp miền Nam, từ Nam ra Bắc, rồi từ Bắc trở về Nam, anh đã sống, đã từng tranh đấu với dân quê. Vì thế mỗi ngôn từ mà anh viết ra đều chính là ngôn từ của họ,

mỗi mảnh đời anh vẽ lại, đều chính là cuộc đời của họ. Anh thấu hiểu tâm tình người dân quê hơn ai hết.”

Đó là khi Xuân Vũ nói về miền Nam. Còn khi ông tả nhân vật người miền Bắc ông cũng tỏ ra am tường ngôn ngữ miền Bắc lắm. Đọc những lời đối thoại giữa tác giả với cô vũ ba-lê Thu thì rõ. Hoặc một đoạn trong tập truyện ngắn “Thiên Đàn Treo” rất linh động và đặc biệt “Bắc Kỳ” từ trang 143 đến 147. (“Chuyện Tục Về Một Vùng Thanh”).

Về ảnh hưởng tai hại của tác phẩm của Xuân Vũ đối với xhcn, một cán bộ công an Saigon đã nói với bác sĩ Phạm Thành Tài, giám đốc cũ của Xuân Vũ ở Nha Chiêu Hôi: “...Thằng Thiệu trốn, bỏ lại đất nước, ta còn có thể sửa lại, còn thằng Xuân Vũ bỏ lại tác phẩm thì chả ai sửa lại được, vì nó là chất độc, cực độc.”

Vài nét về cuộc đời trôi nổi Nam-Bắc, Bắc-Nam của Xuân Vũ:

Xuân Vũ, tên thật là *Bùi Quang Triết*, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1930, tại làng Minh Đức, Quận Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre (Kiến Hòa). Cha ông là một nhà nông nhưng rất thích thơ văn, đã có hàng ngàn bài thơ, chưa in thì bị mất trong chiến tranh. Xuân Vũ chỉ có một người em gái suốt đời ở vậy nuôi cha mẹ vì người anh duy nhất là ông đã “lậm kháng chiến rồi.”

Bất chấp sự khuyên can của cha mẹ, cậu bé Triết 15 tuổi đi theo người cậu kháng chiến chống Pháp và gia nhập đoàn thiếu nhi cứu quốc dưới sự điều khiển của Trần Bạch Đằng. Xuân Vũ học làm thơ với nhà thơ Tâm Điền, tức “nhà thơ vàng” Xuân Tước, và có bài thơ đăng báo đầu tiên ở Hà-nội khi mới 17 tuổi. Năm 1950 ông làm cho báo “Tiếng Súng

Kháng Dịch” của khu 9. Sau hiệp định Genève ông tập kết ra Bắc.

Thấy cảnh xhcn miền Bắc không giống như ông mơ tưởng khi còn ở tuổi mơ mộng 16, ông bèn ngậy thơ vào trụ sở Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến xin trở về Nam, trong thời gian chưa hết hạn. Dĩ nhiên lính gác người Việt là mật báo viên của đảng đã báo cáo việc này và ông bị kiểm thảo, phải lên đài đọc lời cải chính là mình không bao giờ xin trở về Nam. Từ đó ông bó buộc phải làm việc cho đảng để lập công, chuộc tội. Ông sáng tác và được vào hội nhà văn cùng với Phùng Cung năm 1958. Đến năm 1965, nhờ có Trần Bạch Đằng là cán bộ cao cấp ở miền Nam, cũng là thủ trưởng cũ của Xuân Vũ vận động cho nên Xuân Vũ được nhập đoàn đi B, (tức là vào chiến trường miền Nam).

Ông nhận nhiệm vụ vào miền Nam để sáng tác nâng cao tinh thần chiến đấu của quân cán chính và lấy chất liệu cho sáng tác văn nghệ gửi ra Bắc. Ông đã tả lại cuộc vượt Trường Sơn gian lao hiểm trở đầy chết chóc, bệnh tật, hiểm nguy trăm điều trong bộ hồi ký “Đường Đi Không Đến” 5 tập (gần 2000 trang): Đường Đi Không Đến (I), Xương Trắng Trường Sơn (II), Mạng Người Lá Rụng (III), Đến Mà Không Đến (IV) và Đồng Bằng Gai Góc (V).

Nhưng vào đến nơi ông mới thấy những điều người ta tuyên truyền ở ngoài Bắc là giả dối: “vùng giải phóng con chó nằm còn thò cái đuôi ra ngoài”. Hơn nữa ông nhìn rõ thực tại phũ phàng:

“Dòng họ tôi nội ngoại ủng hộ cách mạng, con cháu đi theo cách mạng, hy sinh cho cách mạng để mất trên hai chục

ngôi nhà lớn... Như vậy cách mạng đã “trả công” cho tôi bằng cách giết một người dì, một người cậu và một người cô, còn ai nữa thì tôi chưa tính sổ” (trang 164-166)

Ông liền tìm cách bỏ “cách mạng”, về thành. Ông được trọng đãi, được cử làm giám đốc một nha, bộ chiêu hồi, nhưng ông không dám nhận, chỉ nhận làm phó cho một người bạn và đồng chí cũ cũng mới hồi chánh là giáo sư (đại học Hà-nội) Phạm Thành Tài.

Khi miền Nam mất vào tay Cộng quân, ông đã thoát được ra nước ngoài. mấy năm đầu ông phải làm đủ mọi công việc để kiếm sống nên tạm ngưng viết trong vài năm. Đến khi đã dành dụm được một số tiền ông liền “trở lại cầm bút với một sức mạnh vũ bão, ông viết như thác đổ...” (2) Ngoài bộ hồi ký 5 tập

nói trên, sau đây là những sách ông đã viết từ khi tới Mỹ:

2000 Ngày Đêm Trấn Giữ Củ Chi (7 tập).

Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết.

Mười Năm Mưa Phùn Gió Bắc.

Những Bạc Thầy Của Tôi.

Tình Trên Cánh Gió.

Nửa Thế Kỷ Phạm Duy

Trả Ta Sông Núi (thơ, trường ca)

Lệnh Tấn Công (kịch)

Và 36 cuốn vừa truyện dài, vừa truyện ngắn:

Cách Mạng Tháng 8,

Cha Đẻ Còng Số 8

Kẻ Sống Sót. The Survivor (Anh ngữ)

Đỏ Và Vàng.

Đỏ Và Bùn.

Bùn Đỏ.

Biển Lửa Và Núi Tro.

Ta Về Hôn Đất.

Sông Nước Hậu Giang.

Cái Rác.

Coi Chừng Chó Dữ.

Ngọn Rạch Bằng Lăng

Thiên Đàn Treo.

Thiên Đàn Treo Đứt Giấy.

Con Người Vốn Quý Nhất

Tự Vị Thế Kỳ.

Thiên Đàn Chuột.

Ông Lão Thối Bong Bóng

Trăng Kia Chưa Xế.

Vàng Mô Bông Lúa.

Những Độ Gà Nòi.

Thầy Tư Cóc

Dưới Bóng Dừa Xanh.

Xóm Cái Bần.

Mưu Trí Đàn Bà.

Buồng Cau Trổ Ngược.

Tấm Lụa Đào...

Cô Ba Trà.

Ngọc Vui.

Hột Xoàn Là Cửa Trời Cho

Quê Hương Yêu Dấu.

Đồng Bạc

Để Nái.

Cái Móng Tay.

Bữa Tiệc Thịt Chó Dưới Trời Cần
Vương (lịch sử tiểu thuyết)

Khuôn khổ của chương này cũng như mục đích của toàn soạn phẩm không cho phép lược tóm và trích dẫn tất cả 34 tác phẩm của Xuân Vũ, mà tác phẩm nào cũng chứa đầy đầy đủ kiện. Chúng tôi sẽ chỉ chọn một vài đoạn văn rải rác ở một số tác phẩm nói lên nhận xét của tác giả về chế độ và những nhà lãnh đạo trong chế độ “xã nghĩa” đó, theo từ ngữ của Xuân Vũ. Tuy nhiên chúng tôi sẽ nói kỹ hơn về tập “Đường Đi Không Đến”, đã đoạt giải nhất văn học miền Nam dưới

thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Cuốn sách đó thuộc loại hồi ký. Về tiểu thuyết sẽ trích dẫn bộ ” Đỏ Và Vàng”.

Đường Đi Không Đến

Đường Đi Không Đến là cuốn đầu trong bộ hồi ký (Vượt Trường Sơn) mang cùng tên “Đường Đi Không Đến” gồm 5 cuốn. Vào những năm 1968-1969, cuốn này đã được đăng dần trên tờ báo Tiền Tuyến của Nha Chiến Tranh Tâm Lý, Bộ Quốc Phòng VNCH rồi được xuất bản tại Saigon năm 1973. Tác phẩm đã được giải thưởng của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Không đầy 1 năm sau nó đã được tái bản tại Saigon và tính đến năm 1993 thì nó đã được tái bản 8 lần tại Mỹ. Tuy là một cuốn hồi ký gồm những sự việc có thật được thuật lại theo thứ tự thời gian nhưng đã được tác giả viết một cách trau chuốt đến độ hấp dẫn không kém

gì những tiểu thuyết thời danh. Có lẽ vì nguyên những sự việc xảy ra tự chúng đã rất ư độc đáo và đã để lại trong tâm trí tác giả những ấn tượng sinh động khác thường. Để trả lời những ai nghi ngờ tác giả cường điệu, xin trưng dẫn lời tác giả trong bài tựa cuốn tiểu thuyết “Đỏ Và Vàng”:

“...Đó có phải là “cường độ” không? Ai CƯỜNG nổi đến ĐỘ đó?? Chính cái thực tế đó, tự nó đã là một sự cường độ tối cao rồi, cần gì phải cường độ nữa. Đúng tiếng của nó là cường điệu. Không có nhà văn nào không cường điệu. Nhưng khi sáng tác về Cộng Sản thì không cần. Chỉ sợ không viết nổi sự thực về c.s. thôi.”

Tôi không phải là một nhà phê bình văn học. Mục đích soạn phẩm này cũng không phải để nêu lên những cái hay cái đẹp của một tác phẩm văn chương. Tuy

nhiên với tư cách là một độc giả thường tôi muốn chia sẻ với bạn đọc sự cảm phục của tôi đối với lối viết chuyện linh hoạt, tài hoa của tác giả, bằng cách trích dẫn dưới đây một vài đoạn văn mà tôi cho là hay, để kéo sự chú ý của độc giả tới những điều chân thật, sâu sắc mà tác giả giải bày trong cuốn sách liên quan đến cái nhìn của ông đối với Cộng Sản Việt Nam trước và sau khi ông rời bỏ Cộng Sản.

1. Đôi chân ngọc của cô vũ công vũ ba-lê tên Thu:

“Tôi trở vào Thu đang từ tuổi đi lên. Vì sợ ướt quần nên Thu xắn lên quá đầu gối rất xa. Màu da trắng loáng thoáng qua những kẽ cây rừng. Tôi rĩ tai anh trạm trưởng: Cặp đùi đẹp nhất thủ đô đó, anh xem giùm một chút là hết bi quan ngay.

– Khắc, khắc! Anh trạm trưởng nhìn theo hướng tay tôi chỉ rồi quay lại, nét mặt hững hờ, thô ngậy như một anh chàng lần đầu mới nhìn thấy đàn bà.

Thu không thấy tôi và anh trạm trưởng, nên cứ tự nhiên đi tới, càng lúc càng gần chúng tôi. Cái màu trắng mờ hồ lúc này bây giờ đã hiện lên gần quá. Có thể nom thấy những hạt nước còn đọng trên làn da như những hạt sương điểm trên những cánh hoa bạch huệ. Nhưng anh trạm trưởng không nhìn thẳng. Hình như anh bị lóa mắt trước một hiện tượng kỳ lạ, xa lạ với cuộc sống lâu nay của anh. Còn tôi thì có thói quen, khi thì công khai, khi thì lén lút, khi thì thiệt tình khi thì vờ vịt tôi đã nhìn cái hiện tượng đó, cái kỳ quan đó không biết bao nhiêu lần, mỗi lần mỗi rung động, mỗi ý nghĩ, mỗi diễn biến tâm trạng, mỗi dục

vọng. Tôi đã tìm thấy tất cả an ủi trong cái hiện vật lạ lùng ấy. Thơ tứ ở trong đó và những ý nghĩ sôi nổi, những cảm tình nồng cháy cũng ở trong đó....

Nói đến Thu là tôi nghĩ ngay đến đôi thỏi ngà thon thon, không no tròn quá cũng không mong manh quá, một cái gì gần như được cân tiểu ly cân đo và một bàn tay điêu khắc kỳ diệu nhào nặn tác hợp.” (trang 178)

(và nơi trang 245):

“Coi chừng ...hòn đá đó trơn lắm!”
Tôi chỉ hòn đá mà mắt tôi không rời chân nàng. Làn da trắng vừa xanh mét vừa ướt nước. Những hạt nước còn đeo dính rải rác trên chân nàng như luyến tiếc những giây phút sinh thú của chúng nên chúng cố bám vào đấy như những hạt ngọc để trang điểm cho những vật

thể mà sắc đẹp vốn đã thừa. Thu ôi! Nếu tôi được là một hạt nước dính nôi chân em! (...)

– Ước gì anh được làm một hạt bụi dưới chân em.

– Em sẽ nghiền nát anh ra.

– Không, anh sẽ bay tung lên và đập lên tóc lên má em.

Thu đỏ rừ hai má.... ” (tr.245)

Sách có hơn ba trăm trang thì gần một trăm trang tác giả dành cho cặp chân cô vũ nữ ba-lê. Vì chẳng những nó đẹp, nó còn bò thương, bò sùng, bò độc nữa. Biết bao người chiêm ngưỡng nó, ao ước nó, giành nhau săn sóc nó. Khi đôi chân ngọc sùng húp cần qua suốt hết người này đến người kia ước mong được công nàng con gái đẹp có đôi chân ngà.

Tác giả cũng đòi công, nhưng vừa qua cơn sốt rét xong sức đâu mà công. Khi nàng té trên dòng suối, chàng cố tiến tới chỉ mong được đỡ nàng lên nhưng không kịp vì đã có những anh lính trẻ ôm lấy nàng trước rồi. Nhưng dầu sao chàng vẫn có ưu thế với nàng hôn bất cứ ai. Những lúc không cần sức thì chỉ có chàng có cơ hội và quyền lực để săn sóc nàng. Nàng vẫn biết chàng đa tình:

” – Ai anh cũng yêu! Tôi vui vẻ: – Em trách anh làm gì chuyện đó? – Không, em đâu có trách anh. Thu lặng lẽ nhìn tôi với đôi mắt đờ dại không còn ánh sáng. Rồi Thu khẽ lắc đầu: – Anh đừng yêu em! – Tình yêu như trái chín. Làm sao ngăn cản được? – Em không chịu đựng nổi tình cảm mãnh liệt của anh!” Tôi quỳ sụp xuống và ôm chặt lấy đôi chân nàng. Tôi nghe như có một khối nam châm hút

tôi vào một vật gì mềm mại và ngọt ngào hương. Bên tai tôi tiếng gió rít, tiếng suối reo. Một cánh bướm đang no gió hứa hẹn một cuộc vượt trùng dương” (tr 318-319).

Cũng vẫn đôi chân nồn nà, thon thon của Thu sẽ là đề tài tranh cãi gay go giữa ông Chín, ngoại ngũ tuần, với đám lính trẻ về “Lập Trường” (Lập trường chính trị, lập trường cách mạng hay lập trường giai cấp?) kéo dài trong nhiều trang sách linh động mà duyên dáng gần cuối sách nói lên hết cái thâm ý của tác giả nhằm chế riễu lập trường của Đảng.(tr. 257-262).

Tiếng gọi ân tình của đôi chim gợi nhớ lại cuộc giao tình của cặp trai gái (Chính là tác giả và cô bạn gái tên Phương):

“Tôi nghiêng đầu ra mép vồng. Không gian sâu thẳm. Một con chim gì đang đậu ngay trên đỉnh đầu tôi, tự nãy giờ đứng ở đấy, chốc chốc lại kêu lên những tiếng ai oán. Tôi không thấy nó nhưng tôi chắc nó màu xanh sậm và có đôi mắt chan chứa u buồn. Ở đằng kia có một cô luôn luôn đáp lời, mỗi lần chú đằng này gióng lên tiếng gọi. Dường như chúng đang hò hẹn tìm kiếm nhau. Tôi có cảm giác đó là linh hồn của hai người chết vì một mối tình nan giải, và đôi linh hồn ấy đêm đêm lại quờ quạng tìm đến nhau để nối lại cuộc tình ái dang dở trên dương trần. Tiếng kêu của chúng nghe não nùng ai oán lạ. Nghe chim kêu tôi thấy đau khổ tràn lòng. Tôi nghe như gan ruột mình chín từng đoạn một, nổi tình yêu, nổi cuộc đời.

“Dội lên trong tâm tư tôi một nỗi

ai hoài xa xót. Hiện lên trong đầu óc tôi một đôi nhân tình ...Họ yêu nhau. Họ bỏ cấm đoán...Nhưng rồi họ vẫn yêu nhau. Họ bỏ cảnh cáo (....)

...Rồi nàng nghe tất cả những cảm giác của nàng dồn lại ở một trung tâm, một nơi, một cái rốn đại dương ào ào sóng dậy mà cây thiết bảng thần thông trấn giữ vừa cắm thẳng vào, đau đớn mà êm ái. Nàng nghe nàng trôi bập bênh trên mặt của một biển nhạc menh mông với một nhòp điệu đều đều với những trường canh chắc nịch. Nàng không thấy ngọn cây đang quay tít bên ngoài, không thấy đôi chim đang trở mắt nhìn nàng. Giây phút đó kéo dài. Đột nhiên nàng muốn rít lên, nàng thấy toàn thân nàng rắn lại thành một tảng băng và đồng một lúc nàng cũng nghe có một làn nước ấm dề mê chảy qua suốt khối băng ấy. Hai cánh

tay nàng giơ lên ôm siết lấy, quấn chặt lấy, ghì xuống, miết xuống một vật gì vừa nặng vừa ấm làm cho khối băng kia tan vỡ, đầm đìa. Ngọn gió hiếm hoi của rừng già thổi qua như một người khách lãnh đạm. Lá lại rơi, đàn ve lại thổi điệu nhạc sầu muôn thuở.

Nàng đã nghe lại tiếng vỡ của lá khô dòn và nàng gọi: -Anh!

(...) Chao ôi tôi nằm một mình ở đây, treo lủng lẳng trên cành cây mà tiếc cái kỷ niệm của chính tôi. Cái cảnh đó đối với tôi đáng lẽ ra là cuộc sống thực hàng ngày, thế mà nó đã trở thành kỷ niệm, đáng lẽ là tương lai, nó lại là dĩ vãng, đáng lẽ là hạnh phúc, nó lại là khổ đau, và tôi biết tôi với Phương từ đó chỉ còn sống với nhau bằng kỷ niệm.
(trang 202-206)

2. Ý nghĩa của nhan đề “Đường Đi Không Đến”.

Sau 30 tháng tư, khi đã chiếm được miền Nam rồi, các người Cộng Sản, các đồng chí cũ của tác giả đã cười đắc thắng, nếu như họ gặp được tác giả chắc sẽ ngạo nghễ bảo ông rằng: “Đấy, mày đã thấy là đường đi có đến hản hoi... “Chúng tao đã đến. Cách Mạng đã đến. Thống nhất đã đến. Mày còn dám nói không đến nữa hay thôi?”

Đó là ý nghĩa tiềm ẩn sâu xa của cái tựa, cái nhan sách. Có lẽ khi đặt tên cho cuốn sách Xuân Vũ không phải không nghĩ tới điều đó. Và chắc ông cũng không ngờ rằng Cộng Sản lại có thể chiếm được miền Nam. Nhưng ông vẫn có thể trả lời không nao núng: “Đến mà vẫn là không đến. Để rồi xem có đúng vậy không.” Và cho đến khi tác phẩm này được tái bản

ở Hoa Kỳ thì mọi người, nhất là những đồng chí cũ người Nam Bộ của ông, đều thấy rằng cuộc “chiến thắng” đã chẳng đi đến đâu, vì người miền Nam đã bị lừa gạt, lợi dụng, bạc đãi và bóc lột, phải sống kiếp sống tù túng, kìm kẹp và cực khổ gấp trăm lần hơn xưa. Và không phải chỉ có người miền Nam mà cả người miền Bắc cũng cùng chung số phận. Chỉ trừ một số rất ít thuộc giai cấp lãnh đạo mới, giai cấp “tư bản đỏ”. Vậy thì đường đi vẫn không đến, theo ý nghĩa tượng trưng, chung cuộc. Vì vậy tập 4 trong bộ hồi ký này mang tựa đề: “Đến Mà Không Đến”

Nhưng tựa đề của cuốn sách (tập 1) còn có ý nghĩa cụ thể, giai đoạn của nó đối với một số đông những người đi trên con đường đó, con đường Trường Sơn gian lao hiểm trở ngàn dặm, thiếu lương thực, thuốc men, nhất là thiếu tổ

chức, thiếu lãnh đạo. Cụ thể nhất, đau đớn nhất, chua xót nhất là những người bạn thân của tác giả, kể cả cô bạn gái tên Phương, đã bỏ thân ở dọc đường.

Lý do khiến số đông đã không đến nơi được là đói, bệnh; đáng sợ nhất là sốt rét rừng; dã thú, hùm beo, rắn rít, ve, đĩa, vắt; mưa rừng làm đổ cây đè chết người; sông sâu, núi cao phải vượt trong khi chân đau, sức yếu, bụng đói. Và trên hết là biệt kích của đối phương, máy bay trực thăng, B52 và trọng pháo lúc nào cũng có thể “thụt” tới. Tác giả đã tả tất cả những cái đó một cách sinh động với những chi tiết độc đáo mà chính ông cũng phải nhận rằng mặc dầu là một nhà văn đã từng dựng lên những cốt chuyện lôi cuốn người đọc chỉ nhờ óc tưởng tượng của mình, nhưng vẫn không sao có thể tưởng tượng ra nổi những sự việc

thực sự xảy ra trước mắt. Chính vì vậy mà tác phẩm của ông đã có sức lôi cuốn, dẫn độc giả từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác trên mỗi trang sách.

Ông đã nói nhiều về cái đói nơi nhiều người, như Roanh, như Hồng em ruột của Thu... Cái đói không những làm biến đổi hình thể con người, mà còn biến đổi hẳn tính tình, phẩm cách và lương tri con người. Cứ lấy một ví dụ thiết thực nhất là chính tác giả. Ông đã không thể hiểu nổi tại sao có lúc ông đã từ chối một củ khoai mì với một anh lính trẻ vì quá đói đã ngửa tay xin ông, trong khi củ khoai mì của ông chưa cần tới vì ông còn đang sốt chưa có thể lấy ăn. Dưới đây tôi chỉ xin chọn một vài hàng trích lấy từ câu chuyện thương tâm khá dài của tác giả:

“Bỗng một tiếng người hỏi tôi: – Anh ngủ à?

– Tôi định nằm chơi nhưng lại buồn ngủ, nguy hiểm quá! Tôi trả lời và mở mắt ra thì thấy một anh bộ đội đứng sừng sững ở đầu võng. Mặt anh ta phù lên no tròn như một cái bánh bao, mắt anh ta lơ lơ, hình như anh ta đang sốt. Anh ta nói ngay:

– Đồng chí còn khúc sắn trên đầu võng. Chắc đồng chí không dùng cho tôi... tôi xi..xin.

“Tôi ngồi bật dậy. Tôi như bị điện giật vì có người đụng tới cái bao tử sắp thủng của tôi. Tôi không nói năng gì mà cứ bàng hoàng. Tôi không hiểu anh ta nói gì cả. Và tôi cũng đáp lại như một cái máy, không hiểu rằng mình đã nói gì!

“– Không được đâu đồng chí, đây là của một đồng chí khác, mà đồng chí đó đang sốt không ăn cơm được. Chứ phải

của tôi thì tôi cho đồng chí ngay rồi. Đồng chí với nhau mà! Hơn nữa đồng chí vào giải phóng miền Nam của tôi.

“Bây giờ nhớ lại những lời đó, tôi thấy thật xấu xa. Ghê gớm thay cái miệng con người, cái miệng khôn ngoan hay ngu xuẩn cũng chỉ vì cái dạ dày. Trong một con người cái cao nhất không phải là cái đầu mà là cái dạ dày...”

Triết lý về cái dạ dày còn được tác giả nói tiếp thật dài... Sau đó tác giả đã hối hận, tự trách và cố tìm cách chuộc tội bằng cách nhờ một người khác chuyển củ sắn tới anh lính đói kia. Nhưng người này đi được một quãng thì bóc ăn, còn ngoài nhìn lại như chế riều tác giả.!

“...mắt tôi trông thấy từng người rõ ràng. Chỉ cách tôi độ mười bước thì vỏ sắn đã rơi rơi tả xuống đất... Anh ta đã nuốt

trúng cái lương tâm của tôi...” (trang 262-263)

Đến đây tôi xin trích nguyên văn một đoạn của tác giả để mô tả con đường họ đi và lý do tại sao không đến:

“Tất cả những người tìm ra con đường xuyên qua hàng ngàn cây số rừng sâu núi thẳm để đưa quân về “giải phóng miền Nam” thật là giỏi chứ chẳng phải chơi đâu. Nhưng vạch đường là để cho người ta đi. Muốn cho người ta đi một con đường dài một trăm ngày thẳng thét, liên tục như vậy và là con đường núi, đường đèo, đường lội, đường trèo, đường đi đêm không đốt đèn, đường đi hai ngày với một bi đông nước với mấy vắt cơm thiêu, con đường mang vác khổ sai mà không đủ muối gạo ăn, con đường qua sông không thuyền, con đường chưa ai đi và sẽ không ai đi nếu

người ta biết trước và...v.v..Muốn cho quân sĩ hành quân trên một con đường nguy hiểm như vậy, ít ra phải cho nó ăn uống, phải có thuốc men, có bóng cây, có nhà có trạm nghỉ ngơi thì mới hòng mong nó đi tới nơi được. Đàng này thì không có gì cả ngoài con đường trô ra đó với những dẫn đường bất mãn hà khắc, đôi khi ác nghiệt, và lúc nào cũng muốn rời bỏ chức nghiệp của mình, một con đường đầy những người bệnh liệt vãng (không phải liệt giường, vì ở đây không có giường) với bom đạn máy bay không ngớt với những toán đào ngũ trở lui do cả cán bộ tiểu đoàn “lãnh đạo” với những tên bất mãn tự gây thương tích để khỏi đi tới nơi v.v....Một con đường như vậy bảo sao người ta vui vẻ hy sinh mà đi cho được?...

...chỉ nội cái sốt rét thôi cũng đủ

đánh tan một nửa lực lượng vô Nam rồi. Vượt Trường Sơn vai đeo ít nhất 30 kí súng đạn mà trong lưng chỉ có mỗi một kí muối và 20 viên kí ninh. Tôi nghĩ lại mà rùng mình.”

Hãy đọc thêm về con đường Trường Sơn vinh quang qua ngòi bút quận đau của Xuân Vũ:

“Trường Sơn, cái tên đó hùng vĩ thật, nghe thì thích lắm, xem ảnh thì ai cũng mê say cảnh lạ kỳ thú, nhưng than ôi! Trường Sơn xanh bạt ngàn, xanh vô tận mà chẳng bới ra đâu được một lá rau, còn nắm của Trường Sơn nhiều người thềm quá, ăn bữa, ăn xong, lỗ chân lông ra máu, mồm học máu ra mà chết. Nước Trường Sơn uống to bụng, phải nấu thật kỹ rồi mới dám nuốt vào. Mưa Trường Sơn thì bất ngờ và day dẳng thúí đất, thúí cả da thịt.

“Trường Sơn đứng về mặt dinh dưỡng thì không có gì đáng ca ngợi cả, ngoại trừ những bầy khỉ, voi và trâu rừng rất nhát, rất nguy hiểm. Tôi biết rằng con đường về là con đường đầu thai một lần nữa, con đường về là con đường đói khát, con đường sấm sét, con đường đau khổ và gian khổ, con đường dốc, con đường dài, con đường đi không đến mà rồi vẫn phải đi, trên vai phải mang theo những sứ mạng bày đặt, không biết ai trao cho, một thứ vinh quang không có, một thứ tình cảm ái quốc cũng giả tạo nốt, chỉ còn lại có tình cảm gia đình là thực thôi!” (tr.111)

Mỗi trang giấy trong tác phẩm, mỗi ngày trên con đường vào Nam, mỗi chặng đường trèo đèo vượt núi lội sông băng suối đều thấy toàn đói, khát, bệnh tật, hiểm nguy và chết chóc, chết vì đói,

chết vì bệnh, chết vì bom, vì hỏa tiễn, chết nằm trên võng, chết trong hốc đá, chết không ai chôn, hay chôn mà để lòi hai bàn chân ra, chết trôi sông, chết vì bị cây đè, hay vì cây gãy trong mưa dầm vào ngực, thậm chí chết vì bị huyện ủy làm tình trên võng, võng bị đứt, lưng cô gái rơi xuống đúng hòn đá nhọn bị trọng thương, không ai cấp cứu vì huyện ủy đã bỏ trốn! V.v. và v.v....

Tất cả những thảm cảnh đó do ai gây nên? Tác giả không nói một cách minh thị. Nhưng cứ đọc lời tựa và những trang cuối của cuốn sách thì thấy rõ đó chính là “Đảng ta” vậy. Vì lời tựa và đoạn kết không dài nên tôi xin trích nguyên văn ở đây để thay kết luận riêng đối với cuốn đầu của bộ hồi ký ĐĐKĐ:

“Thay lời tựa.

Thuở bé đi học trường quận tôi thường đi một chiếc xe ngựa quen ở chợ làng. Chủ xe là một lão già có lẽ đưa xe ngựa chuyên nghiệp. Khi tôi đến trường làng tôi đã thấy lão đánh xe đưa khách, và về sau, khi tôi lớn lên, tôi vẫn không thấy lão làm nghề nào khác.

Thời ấy con ngựa của lão thật gầy. Không biết nó đã chạy mấy vạn lần trên con đường đá lổm chổm từ làng lên quận, cũng không rõ nó đã mang lại cho chủ bao nhiêu bạc cắc xu năm, chỉ thấy nó gầy quá, hầu như không đủ sức kéo xe nữa, nhưng nó vẫn nện móng hàng ngày trên con đường quen thuộc ấy.

Nó chạy chậm nổi tiếng. Điều đó làm cho lão già không hài lòng. Lão ta dùng roi. Nhưng roi không có kết quả. Thực ra không phải con ngựa chạy chậm vì lười mà chính vì nó kiệt sức. Để lợi dụng cái

sức còn lại trong con vật, lão già đã ngó ra một cách có vẻ nhân đạo hôn. Lão ta buộc một mớ cỏ non trên đầu cần câu và buộc chiếc cần câu dọc theo gọng xe.

Mỗi lần con ngựa bò mắc vào xe nó cứ nhìn thấy mớ cỏ non đó nhảy múa trước mặt nó, tưởng chừng nó có thể ngoạm được và nhai ngấu nghiến đi ngay.

Nhưng tôi nghiệp con vật ngây thơ, có ngay xương sống ra kéo chiếc xe đẩy khách, mong rút ngắn cái khoảng cách giữa mồm nó và mớ cỏ. Cái mớ cỏ vẫn nhảy múa trước mặt nó, quyền rũ vô cùng, giục nó chạy tới, chạy nhanh tới.

Con vật ngây thơ vẫn cố sức phi tới với chút sức tàn, mong đớp được mớ cỏ. Có bao giờ lão chủ xe lại giải thích cho con vật thân yêu của lão vì sao nó chạy hoài mà không ngoạm được mớ cỏ?

Saigon tháng Năm, 1973. Tác giả.” (ĐĐKĐ, tr.10-11)

Đến cuối sách, có lẽ ngụ ý chặng cuối của con đường đi không đến, tác giả viết về chiếc xe và con ngựa như sau:

“Mái nhà, bờ ruộng với những hàng trâm bầu râm mát trưa hè. Và đây rồi cái kỷ niệm sâu sắc nhất của cậu học sinh trường làng. Trên con đường đá xanh đầy ổ gà từ làng lên quận, một chú ngựa còm kéo chiếc xe ọc ạch với lão già đầu bạc cầm con roi nện đen đét trong không khí.

Không hiểu sao cứ mỗi lần nhớ tới quê tôi thì tôi lại bắt gặp cái hình ảnh ấy. Chiếc xe ngựa quá thân thuộc với tuổi thơ của tôi. Từ lúc chú ngựa hầy còn sung sức đã từng oanh liệt đuổi theo

xe hơi cho đến chú ngựa gầy yếu đi cam chịu cho chúng bạn lướt qua mặt mình, tôi vẫn đi chiếc xe ấy.

Rồi cho đến khi chú ngựa kiệt sức, lão già đem một mớ cỏ non treo trên đầu cần câu buộc dọc theo gọng xe để khuyến khích chú ngựa chạy nhanh lên, tôi cũng không đi chiếc xe nào khác.



Một hôm tôi nói với lão già:

– Sao bác chơi chi ác vậy?

Lão già chỉ cười, cái cười thỏa mãn

của một kẻ thi hành một quỷ chước thành công. Vì là khách quen cho nên một hôm tôi được chứng kiến một cảnh nào lòng. Hôm đó chiếc xe sắp về tới chợ. Cái dốc cầu cao quá. Lần nào về đến đây lão già cũng hò hét net roi vang trong không khí. Lần này cũng thế. Chú ngựa bỏ vó rầm rập xuống mặt đường đá xanh, tóe lửa, cố lôi chiếc xe lên đến nửa dốc. Bỗng nó bỏ vó lôi hẳn đi. Mớ cỏ non đang nhảy múa tung tăng trước mặt nó bỗng lắc lư như quả lắc đồng hồ.

Lão già vừa net roi vừa quát, nhưng chiếc xe sừng lại rồi tụt xuống dốc. Lão già vội nhảy xuống đất, cản chiếc roi vào mồm và hai tay bắt bánh xe lăn tiếp với con vật. Nhưng chiếc xe nặng quá và đằng sau chiếc xe còn có cả hàng chục năm lao碌, cho nên lão già dù có tài cán mưu kế đến đâu cũng không đẩy nổi

chiếc xe và con ngựa già kiệt sức của lão lên dốc.

Chiếc xe cứ tụt dần, rồi bỗng đánh rầm một cái, chiếc xe lật ngang qua. Lão già chạy vụt tới nắm lấy cái hàm thiếc của chú ngựa lôi nó đứng dậy, nhưng chú ngựa đã ngã xuống, bốn vó bơi lia, cùng với hai bánh xe quay tít trong không khí. Lão già vội vã rút lấy mớ cỏ đã héo ở ngọn cần câu nhét vào mồm con vật đã sùi bọt lên trắng xóa, và thân mật bảo:

– Ăn đi, ăn đi con là khỏe lại ngay!

Con vật như nghe thấy lời nói ân nghĩa đó của lão chủ, nó cố há mồm ra mà nhận lấy cái phần thưởng độc nhất của đời nó trước khi nó trợn đôi mắt lên mà nhìn lão chủ ...lần cuối cùng. (...)

Chao ôi! Sao giữa cái cảnh hãi hùng

này mà tôi nhớ lại một chuyện buồn làm chi vậy?

Tiếng rên rĩ của anh lính gãy chân làm cho tôi chợt nhớ ra rằng mình đang nằm bên bờ một con suối lũ. Trời vẫn mưa. Nước đã dâng lên sát đít vũng tôi. Gió hú trên những ngọn cây cao như bước đi của những đám cô hồn tìm chỗ nghỉ chân. Một nhánh cây thò vào trước đầu vũng tôi chập chờn như một mớ cỏ non nhún nhẩy. Nếu quả thật đó là mớ cỏ non thì đây chính là chiếc xe đã gãy đổ dọc đường.” (trang 357-358)

Minh Võ

Trích chương 17 Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực Hay Hư. (trang 387- 404)

(*) Con số tính đến năm 1999, trong tổng số 72 tác phẩm đủ loại.

